PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2013/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2013*

THÔNG TƯ
Ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

Điều 2. Khi tiến hành thu phí dịch vụ thanh toán, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước sử dụng mẫu Bảng kê từ Phụ lục số 01 đến Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này và định kỳ hàng tháng báo cáo số liệu thu phí dịch vụ thanh toán về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán) theo mẫu Phụ lục số 07.

Điều 3.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2014.

2. Quyết định số 50/2007/QĐ-NHNN ngày 28/12/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành mức thu phí dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức khác sử dụng dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm về tổ chức thi hành Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Toàn Thắng

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

I. Phí tham gia các Hệ thống thanh toán: Thu 1 lần đối với mỗi thành viên, đơn vị thành viên khi tham gia hệ thống thanh toán.

STT	Loại phí	Đơn vị thu phí	Đối tượng trả phí	Mức phí
1	**Phí tham gia Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (viết tắt TTĐTLNH)**			
1.1	Phí tham gia đối với thành viên	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước	Thành viên Hệ thống TTĐTLNH	**4.000.000** đồng/thành viên
1.2	Phí tham gia đối với đơn vị thành viên	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thành viên hoặc Đơn vị thành viên Hệ thống TTĐTLNH	**0** đồng/đơn vị thành viên
2	**Phí tham gia Hệ thống thanh toán bù trừ trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức thanh toán bù trừ trên địa bàn	Thành viên tham gia thanh toán bù trừ trên địa bàn	**0** đồng/ngân hàng thành viên

Ghi chú:

- Thành viên Hệ thống TTĐTLNH là tổ chức được Ban điều hành Hệ thống TTĐTLNH cho phép kết nối trực tiếp tham gia Hệ thống TTĐTLNH;
- Đơn vị thành viên Hệ thống TTĐTLNH là tổ chức trực thuộc thành viên Hệ thống TTĐTLNH được Ban điều hành Hệ thống TTĐTLNH cho phép kết nối trực tiếp tham gia Hệ thống TTĐTLNH;
- Thành viên tham gia thanh toán bù trừ trên địa bàn là tổ chức được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép tham gia Hệ thống thanh toán bù trừ trên địa bàn.

II. Phí thường niên

Tính và thu vào tháng 12 hàng năm; trường hợp thời gian tham gia của thành viên (hoặc đơn vị thành viên) chưa đủ năm thì thu theo số tháng thực tế tham gia trong năm. Số tháng tham gia được tính như sau: nếu thành viên (hoặc đơn vị thành viên) tham gia trước ngày 15 trong tháng thì tính phí kể từ tháng bắt đầu tham gia trở đi và ngược lại, nếu thành viên (hoặc đơn vị thành viên) tham gia từ ngày 15 trở đi trong tháng thì tính phí từ tháng liền kề sau của tháng tham gia trở đi.

STT	Loại phí	Đơn vị thu phí	Đối tượng trả phí	Mức phí
1	**Phí thường niên đối với thành viên, đơn vị thành viên Hệ thống TTĐTLNH**			
1.1	Phí thường niên đối với thành viên	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước	Thành viên Hệ thống TTĐTLNH	**18.000.000**đồng/năm/ thành viên
1.2	Phí thường niên đối với đơn vị thành viên	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thành viên hoặc đơn vị thành viên Hệ thống TTĐTLNH	**1.500.000** đồng/đơn vị thành viên/năm
2	**Phí thường niên đối với ngân hàng thành viên tham gia Hệ thống thanh toán bù trừ trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố**	**Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức thanh toán bù trừ trên địa bàn**	Thành viên tham gia Hệ thống thanh toán bù trừ trên địa bàn	**1.500.000** đồng/ngân hàng thành viên/năm

III. Phí dịch vụ thanh toán trong nước

STT	Loại phí	Đơn vị thu phí	Đối tượng trả phí	Mức phí
1	**Phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống TTĐTLNH**			
1.1	Phí giao dịch thanh toán qua Tiểu hệ thống thanh toán giá trị cao			

STT	Loại phí	Đơn vị thu phí	Đối tượng trả phí	Mức phí
a	Đối với Lệnh thanh toán mà thời điểm Hệ thống nhận giao dịch trước 15h30 trong ngày	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thành viên hoặc đơn vị thành viên gửi Lệnh thanh toán	**0,01%** số tiền thanh toán (Tối thiểu **2.000** đồng/món; Tối đa **50.000** đồng/món)
b	Đối với Lệnh thanh toán mà thời điểm Hệ thống nhận giao dịch trong khoảng thời gian từ 15h30 đến khi Hệ thống ngừng nhận Lệnh thanh toán trong ngày	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thành viên hoặc đơn vị thành viên gửi Lệnh thanh toán	**0,02%** số tiền thanh toán (Tối thiểu **4.000** đồng/món; Tối đa **100.000** đồng/món)
1.2	Phí giao dịch thanh toán qua Tiểu hệ thống thanh toán giá trị thấp	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thành viên hoặc đơn vị thành viên gửi Lệnh thanh toán	**2.000** đồng/món
2	**Phí giao dịch thanh toán qua Hệ thống thanh toán bù trừ trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố**			
2.1	Thanh toán bù trừ giấy	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức thanh toán bù trừ trên địa bàn	Ngân hàng thành viên gửi Lệnh thanh toán	**5.000** đồng/món
2.2	Thanh toán bù trừ điện tử	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức thanh toán bù trừ trên địa bàn	Thành viên gửi Lệnh thanh toán	**2.000** đồng/món

STT	Loại phí	Đơn vị thu phí	Đối tượng trả phí	Mức phí
3	**Phí giao dịch thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước**	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ khách hàng chuyển (trả) tiền	Đơn vị mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước chuyển (trả) tiền	**0,02%** số tiền thanh toán (Tối thiểu **10.000** đồng/ món; Tối đa **100.000** đồng/ món)

IV. Phí dịch vụ thanh toán quốc tế

STT	Loại phí	Đơn vị thu phí	Đối tượng trả phí	Mức phí
1	**Phí chuyển tiền ra nước ngoài**	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ khách hàng chuyển (trả) tiền	Khách hàng chuyển (trả) tiền	**0,15%** số tiền chuyển đi (Tối thiểu **2** USD/ món; Tối đa **200** USD/ món)
2	**Phí nhận tiền từ nước ngoài chuyển đến**	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ khách hàng nhận tiền	Khách hàng nhận tiền chuyển đến	**0,05%** số tiền chuyển đến (Tối thiểu **1** USD/ món; Tối đa **100** USD/ món)

Phụ lục số 01

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị thu phí:

BẢNG KÊ CHI TIẾT PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN QUA TIỂU HỆ THỐNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ CAO, HỆ THỐNG TTĐTLNH

Tháng…….. năm…….

TK Nợ:..... Trang:.....

Đơn vị trả phí:..... Mã NH:.....

STT	Ngày giờ giao dịch	Số chứng từ	Mã NH nhận lệnh	Số tiền trên chứng từ	Mức phí	Tiền phí
(*) Kê chi tiết cho từng đơn vị thành viên (ĐVTV) của đơn vị trả phí (áp dụng cho trường hợp trả phí tập trung tại Sở Giao dịch NHNN)**:**						
(*) (Tên ĐVTV 1)		***(Mã NH của ĐVTV 1)***	*(Tổng số món giao dịch của ĐVTV 1)*	*(Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 1)*		*(Tổng số tiền phí của ĐVTV 1)*
1.	…					
2.	…					
…	…					
(*) (Tên ĐVTV 2)		***(Mã NH của ĐVTV 2)***	*(Tổng số món giao dịch của ĐVTV 2)*	*(Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 2)*		*(Tổng số tiền phí của ĐVTV 2)*
1.	…					
2.	…					
…						
TỔNG CỘNG:			**(Tổng số món giao dịch)**	**(Tổng số tiền giao dịch)**		**(Tổng số tiền phí phải trả)**

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):.....

....., ngày… tháng… năm....

LẬP BẢNG	KIỂM SOÁT	GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý: Các ô thuộc dòng (*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê chi tiết, liên tục các món giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (*).

Phụ lục số 02

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị thu phí:

BẢNG KÊ CHI TIẾT PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN QUA TIỂU HỆ THỐNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ THẤP, HỆ THỐNG TTĐTLNH

Tháng…….. năm …….

TK Nợ: ..... Trang: .....

Đơn vị trả phí: ..... Mã NH: .....

STT	Ngày giao dịch	Số chứng từ	Mã NH nhận lệnh	Số tiền trên chứng từ	Mức phí	Tiền phí
(*) Chi tiết cho từng đơn vị thành viên (ĐVTV) của đơn vị trả phí (áp dụng cho trường hợp trả phí tập trung tại Sở Giao dịch NHNN):						
(*) (Tên ĐVTV 1)		***(Mã NH của ĐVTV 1)***	*(Tổng số món giao dịch của ĐVTV 1)*	*(Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 1)*		*(Tổng số tiền phí của ĐVTV 1)*
1.	…					
2.	…					
…	…					
(*) (Tên ĐVTV 2)		***(Mã NH của ĐVTV 2)***	*(Tổng số món giao dịch của ĐVTV 2)*	*(Tổng số tiền giao dịch của ĐVTV 2)*		*(Tổng số tiền phí của ĐVTV 2)*
1.	…					
2.	…					
…						
Tổng cộng:			**(Tổng số món giao dịch)**	**(Tổng số tiền giao dịch)**		**(Tổng số tiền phí phải trả)**

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ): .....

……, ngày …… tháng ……năm ……

LẬP BẢNG	KIỂM SOÁT	GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý: Các ô thuộc dòng (*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê chi tiết, liên tục các món giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (*).

Phụ lục số 03

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị thu phí:

BẢNG KÊ TỔNG HỢP THU PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN QUA HỆ THỐNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

Tháng…….. năm …….

TK Nợ:..... Trang:.....

Đơn vị trả phí:..... Mã NH: .....

STT	Tên thành viên, đơn vị thành viên	Mã NH	Tiểu hệ thống thanh toán giá trị cao			Tiểu hệ thống thanh toán giá trị thấp			Hệ thống TTĐTLNH		
			Số món giao dịch	Số tiền trên chứng từ	Số tiền phí	Số món giao dịch	Số tiền trên chứng từ	Số tiền phí	Số món giao dịch	Số tiền trên chứng từ	Số tiền phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(4)+(7)	(11)=(5)+(8)	(12)=(6)+(9)
(*) 1	ĐVTV 1										
(*) 2	ĐVTV 2										
(*)...	…										
…	…										
	Tổng cộng:										

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

LẬP BẢNG	**KIỂM SOÁT**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý: Các ô thuộc dòng (*) chỉ sử dụng cho trường hợp tính và thu phí tập trung (tại Sở Giao dịch NHNN) để thống kê chi tiết, liên tục các món giao dịch thanh toán theo từng đơn vị thành viên của thành viên; trường hợp khác không sử dụng các ô thuộc dòng (*).

Phụ lục số 04

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Đơn vị thu phí:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ PHÍ GIAO DỊCH VỤ THANH TOÁN TỪNG LẦN QUA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI THANH TOÁN MỞ TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Tháng…….. năm…….

TK Nợ:..... Trang:.....

Đơn vị trả phí:..... Mã NH:.....

STT	Ngày giao dịch	Số chứng từ	Mã NH nhận lệnh	Số tiền trên chứng từ	Mức phí	Tiền phí
1						
2						
3						
…						
Tổng cộng:				**(Tổng số tiền giao dịch)**		**(Tổng số tiền phí phải trả)**

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

LẬP BẢNG	**KIỂM SOÁT**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý: Phụ lục 04 thống kê chi tiết các món giao dịch thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi tại đơn vị NHNN, bao gồm: chuyển tiền qua hệ thống TTĐTLNH thông qua tư cách thành viên của đơn vị NHNN (CI-NHNN), chuyển khoản tại cùng một đơn vị NHNN,…

Phụ lục số 05

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Đơn vị thu phí:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN BÙ TRỪ

Tháng…….. năm…….

TK Nợ:……. Trang:…...

Đơn vị trả phí:..... Mã NH:.....

STT	Ngày giao dịch	Mã NH nhận lệnh	Số món giao dịch	Mức phí	Tiền phí
1					
2					
3					
…					
Tổng cộng:			**(Tổng số món giao dịch)**		**(Tổng số tiền phí phải trả)**

Tổng số tiền phí phải trả (bằng chữ):.....

……, ngày.... tháng.... năm....

LẬP BẢNG	**KIỂM SOÁT**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 06

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị thu phí:

BẢNG TỔNG HỢP CÁC LOẠI PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN
Tháng…….. năm…….

TK Nợ:..... Trang:.....

Đơn vị trả phí:..... Mã NH:.....

STT	Loại phí	Số món giao dịch	Số tiền giao dịch	Số tiền phí phải trả
I	**Hệ thống TTĐTLNH**	X	X	
1	Phí tham gia	X	X	
2	Phí thường niên	X	X	
3	Phí giao dịch thanh toán			
a	Tiểu hệ thống thanh toán giá trị cao			
b	Tiểu hệ thống thanh toán giá trị thấp			
II	**Hệ thống thanh toán bù trừ trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố**	X	X	
1	Phí tham gia	X	X	
2	Phí thường niên	X	X	
3	Phí giao dịch thanh toán bù trừ trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố		X	
III	**Thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi tại NHNN**			
Tổng cộng:		**(Tổng số món giao dịch phát sinh trong kỳ)**		**(Tổng số tiền phí phải trả trong kỳ)**

Tổng số tiền phí (bằng chữ):.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

LẬP BẢNG	**KIỂM SOÁT**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lưu ý:

- Không ghi vào những ô (X).
- Đối với các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố: Phụ lục số 06 không bao gồm các khoản phí đã được trả tập trung tại Sở Giao dịch - NHNN

Phụ lục số 07

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị thu phí:

BÁO CÁO SỐ LIỆU THU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN
(Dùng cho nội bộ các đơn vị NHNN)

Tháng…….. năm…….

STT	Loại phí	Số món giao dịch	Số tiền giao dịch	Số tiền phí thu được
I	**Hệ thống TTĐTLNH**			
1	Phí tham gia	X	X	
2	Phí thường niên	X	X	
3	Phí giao dịch thanh toán			
a	Tiểu hệ thống thanh toán giá trị cao			
b	Tiểu hệ thống thanh toán giá trị thấp			
II	**Hệ thống thanh toán bù trừ trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố**			
1	Phí tham gia	X	X	
2	Phí thường niên	X	X	
3	Phí giao dịch thanh toán		X	
III	**Thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi tại NHNN**			
Tổng cộng:		**(Tổng số món giao dịch phát sinh trong kỳ)**		**(Tổng số tiền phí thu được trong kỳ)**

Tổng số tiền phí (bằng chữ):.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

LẬP BẢNG	**KIỂM SOÁT**	**GIÁM ĐỐC**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn gửi báo cáo và tổng hợp số liệu:

- Đơn vị lập báo cáo: Sở Giao dịch NHNN, Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Thanh toán - NHNN Việt Nam, 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Thời hạn gửi báo cáo: chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.
- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc của người chịu trách nhiệm trả lời các chi tiết báo cáo khi NHNN có yêu cầu.
- Hướng dẫn tổng hợp số liệu: Không báo cáo vào những ô có dấu (X); Số liệu báo cáo được tổng hợp từ tất cả các Phụ lục số 06 tại mỗi đơn vị NHNN (Sở giao dịch NHNN, Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04.22239551, Fax: 04.22239304